TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN HỒNG BÀNG **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 05/2025/HNGĐ-ST Ngày 07-3-2025 V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN HỒNG BÀNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Quỳnh Như

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Minh Toàn;

2. Ông Trần Ngọc Hải.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Nguyễn Quang Khiêm - Thư ký Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diệu Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 01/2025/TLST-HNGĐ ngày 03 ngày 01 năm 2025 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2025/QĐXX-ST ngày 10 tháng 02 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2025/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 02 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1996; nơi ĐKNKTT: Khu dân cư Nguyễn Xá, phường Thạch Khôi, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương; nơi ở hiện nay: Ấp Lộ Đức, xã Hố Nai 3, Hện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai; vắng mặt.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Đình H, sinh năm 1993; nơi cư trú: Số 97 Vạn Kiếp, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng; vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, nguyên đơn chị Trần Thị Kim Dung trình bày:

Chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Đình H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND phường Long Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai ngày 22/01/2020. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm nên chị và anh H đã sống ly thân từ năm 2021 cho đến nay, vợ chồng không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị N làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Đình H.

Về con chung: Anh chị có hai con chung là cháu Nguyễn Hoàng My, sinh ngày 01/3/2020 và cháu Nguyễn Anh Vũ, sinh ngày 10/3/2022. Hiện nay hai cháu đang sinh sống cùng chị N, được chị chăm sóc chu đáo, anh H không chăm sóc và chăm lo cho các con. Ly hôn, chị đề nghị Tòa án giao hai con cho chị được trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị N không đề nghị anh H phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Chị N tự thỏa thuận với anh H, không đề nghị Tòa án giải quyết.

- *Đối với bị đơn là anh Nguyễn Đình H:* Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng đã tống đạt hợp lệ các thông báo, Quyết định của Tòa án nhưng anh H đều vắng mặt nên Tòa án không tiến hành lấy được lời khai của anh; mặt khác, anh H cũng không có văn bản thể hiện quan điểm đối với yêu cầu khởi kiện của chị N, tại phiên tòa lần 1 và lần 2 anh H đều vắng mặt.

- *Xác minh tại chính quyền địa phương thể hiện:* Chị N và anh H có đăng ký kết hôn, là vợ chồng hợp pháp, quá trình chung sống có mâu thuẫn gì thì địa phương không nắm được. Nay chị N có đơn xin ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Về con chung: Anh chị có hai con chung, đề nghị Tòa án xem xét để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho cháu. Về tài sản chung: Địa phương không nắm được anh chị có những tài sản chung gì.

Ý kiến của Viện Kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng thành phố Hải Phòng: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án; nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 266; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81, 82; 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị N, xử chị N được ly hôn anh Nguyễn Đình H. Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử giao con chung là Nguyễn Hoàng My, sinh ngày 01/3/2020 và cháu Nguyễn Anh Vũ, sinh ngày 10/3/2022 cho chị N được trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con trưởng thành hoặc có thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị N không đề nghị anh H phải cấp dưỡng nuôi con nên không đề nghị Tòa án giải quyết. Về tài sản chung: Anh chị tự thỏa thuận nên không đề nghị Tòa án giải quyết. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu 300.000 đồng án phí theo quy định của pháp luật.Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền: Đây là vụ án về ly hôn, tranh chấp nuôi con. Bị đơn là anh Nguyễn Đình H có đăng ký hộ khẩu thường trú và sinh sống tại quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng, theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa nguyên đơn và bị đơn vắng mặt nhưng nguyên đơn có đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn là anh Nguyễn Đình H vắng mặt mặc dù đã được tống đạt, thông báo hợp lệ. Căn cứ vào Điều 227, Điều 228; Điều 328 Bộ luật Tố tụng dân sự, Toà án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Đình H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND phường Long Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai ngày 22/01/2020 là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, phát sinh mâu thuẫn, đến nay vợ chồng đã sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập anh H đến Tòa án để lấy lời khai về việc chị N có đơn xin ly hôn, nhưng anh H không hợp tác, cũng không có văn bản thể hiện quan điểm của mình. Không có mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và không có mặt tại phiên tòa. Điều này thể hiện anh H không có ý thức hàn gắn, đoàn tụ vợ chồng. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên xử cho chị Nguyễn Thị N được ly hôn anh Nguyễn Đình H là phù hợp với quy định tại Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] Về con chung: Chị N và anh H có hai con chung là cháu Nguyễn Hoàng My, sinh ngày 01/3/2020 và cháu Nguyễn Anh Vũ, sinh ngày 10/3/2022. Căn cứ vào lời khai của chị N và các tài liệu do Tòa án thu thập thể hiện các cháu

đang sinh sống ổn định cùng với mẹ là chị N tại Ấp Lộ Đức, xã Hố Nai 3, Hện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai. Đây là nhà của bố mẹ đẻ chị N, từ khi chị N và anh H ly thân thì chị được bố mẹ đẻ chăm sóc và hỗ trợ về vật chất và tinh thần cho cả ba mẹ con chị. Gia đình bố mẹ đẻ chị có quán bán hàng ăn nên chị phụ bán hàng cùng bố mẹ để chăm lo cho các con. Mặt khác, anh H không có lời khai thể hiện quan điểm về việc nuôi con. Do đó, Hội đồng xét xử giao cháu Nguyễn Hoàng My và cháu Nguyễn Anh Vũ cho chị Nguyễn Thị N được trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con trưởng thành hoặc có thay đổi khác theo quy định của pháp luật là phù hợp.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị N xác nhận không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[6] Về tài sản chung: Chị N xác nhận chị và anh H tự thỏa thuận, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị N là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 266; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81, 82; 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị N.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị N được ly hôn anh Nguyễn Đình H.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Hoàng My, sinh ngày 01/3/2020 và cháu Nguyễn Anh Vũ, sinh ngày 10/3/2022 cho chị Nguyễn Thị N trực tiếp nuôi dưỡng. Việc nuôi con chung của chị N được thực hiện cho đến khi các con chung lần lượt đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình

không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Trường hợp, người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Nguyễn Thị N không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

4. Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Đình H tự thỏa thuận, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị N phải chịu 300.000 (*ba trăm nghìn)* đồng án phí dân sự sơ thẩm. Chị được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (*ba trăm nghìn)* đồng theo Biên lai số 0002637 ngày 03 tháng 01 năm 2025 của Chi cục Thi hành án Dân sự quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng; chị đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Đình H (vắng mặt) tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ./.

Nơi nhận:
- TAND TP Hải Phòng;
- VKSND TP Hải Phòng;
- VKSND quận Hồng Bàng;
- Chi cục THADS quận Hồng Bàng, TP Hải Phòng;
- UBND phường Long Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai (GCN KH số 15/2020 nagyf 22/01/2020);
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: HCTP, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Quỳnh Như

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Trần Thị Quỳnh Như